TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HS-ST
Ngày: 13/11/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Phương.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Oanh;
Bà Dương Thị Phương.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hải Y - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 19/2023/TLST- HS ngày 23 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: /2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh năm 1984, tại Thanh Hóa; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: số nhà D, phố L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn V và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Trần Thị H và 03 con; tiền án: Ngày 18/01/2021, tại bản án số 101/2021/HS-ST, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/02/2022; tiền sự: ngày 22/02/2023, Công an thành phố T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy".

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/7/2023 đến 15/7/2023 chuyển tạm giam. Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 55 phút ngày 05/7/2023, Tổ tuần tra 282 phối hợp với Tổ công tác Phòng PK02 Công an tỉnh T tuần tra kiểm soát tại khu vực trước số nhà F Đ, phường Đ, thành phố T, tiến hành kiểm tra đối với Phạm Văn T. Tại chỗ, T tự giác lấy 03 túi ni - lông màu trắng, kích thước mỗi túi khoảng (3x3)cm, bên trong túi thứ nhất chứa 08 viên nén màu đỏ, túi thứ 2 chứa 04 viên nén màu xám và túi thứ 3 chứa các hạt tinh thể màu trắng từ trong cốp xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter, không gắn biển kiểm soát do T điều khiển, giao nộp cho Tổ công tác. T khai nhận là ma túy loại Ketamine, thuốc lắc và hồng phiến, T mua để sử dụng. Tổ công tác đã tuyên bố bắt quả tang T về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ vật chứng.

Về nguồn gốc số ma túy, T khai: khoảng 21 giờ ngày 05/7/2023 T đến khu vực Cầu Đ, thuộc phường Đ, thành phố T mua được số ma túy trên của người nam thanh niên tên H1 (T không biết địa chỉ, lai lịch) với giá 3.200.000 đồng đem về để sử dụng thì bị Công an bắt giữ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của T thuộc khu phố L, phường Đ, thành phố T không phát hiện người, đồ vật, tài liệu gì liên quan đến hành vi phạm tội của T.

Tại bản kết luận giám định số 2640/KL-KTHS ngày 12/7/2023 của Phòng K - Công an tỉnh T kết luận:

- 08 viên nén màu đỏ gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,743g.

- Các hạt tinh thể màu trắng giám định là ma túy, loại Ketamine, có khối lượng 0,599g.

- 04 viên nén màu xám gửi giám định là ma túy, loại MDMA, có khối lượng 1,630g.

Chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter T1 sử dụng để di chuyển và cất giữ ma túy thuộc sở hữu của anh Trần Văn H2, sinh năm 1995, trú tại: số nhà E Á, phường Đ, thành phố T. Anh H2 cho T1 mượn xe, không biết mục đích của T1 là đi mua ma túy, Cơ quan Cảnh sát điều tra quyết định trả lại xe cho anh H2 là phù hợp.

Với nội dung trên, bản cáo trạng số 346/CT-VKSTPTH ngày 12/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hoá truy tố bị cáo Phạm Văn Thành về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội "Tàng trữ trái

phép chất ma túy", đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 36 tháng tù đến 42 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ.

Về vật chứng: đề nghị áp dụng khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy số ma túy thu của bị cáo còn lại sau giám định.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung truy tố của cáo trạng và không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa bị cáo khai, bản thân bị cáo là người nghiện ma túy. Vào khoảng 21 giờ 55 phút ngày 05/7/2023, tại trước số nhà F Đ, phường Đ, thành phố T, bị cáo đã có hành vi tàng trữ 0,743g Methamphetamine, 0,599g Ketamine, 1,630g MDMA; mục đích để sử dụng thì bị Công an phát hiện bắt quả tang. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên toà phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa. Hành vi nêu trên của bị cáo có đủ dấu hiệu cấu thành tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, bị cáo có đủ nhận thức để biết rằng các loại ma túy là chất gây nghiện được nhà nước thống nhất quản lý, nghiêm cấm hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, mặt khác hành vi phạm tội của bị cáo còn gây mất trật tự trị an tại địa phương và là một trong những nguyên nhân phát sinh tội phạm và các tệ nạn xã hội khác nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, thấy rằng:

Tại bản án số 101/2021/HS-ST ngày 18/01/2021, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/02/2022. Như vậy bị cáo đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng "tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngày 22/02/2023, bị cáo bị Công an thành phố T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy". Như vậy bị cáo đã từng bị xét xử về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng bị cáo không lấy đây làm bài học rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện bị cáo là người rất coi thường pháp luật vì vậy cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

Tuy nhiên quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như vậy mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[6] Xử lý vật chứng: Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định là vật cấm tàng trữ, cấm lưu hành vì vậy cần căn cứ điểm khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu tiêu huỷ toàn bộ số ma túy này.

Vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hoá.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt: Phạm Văn T 40 (bốn mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 06/7/2023.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định trong một phong bì niêm phong của Phòng K công an tỉnh T, có hình dấu của phòng K, kèm chữ ký, chữ viết của Lê Minh T2, Lê Thị Thanh L.

Toàn bộ vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, theo biên bản giao nhận vật chứng số 30/2024/THA ngày 10/11/2023 giữa Công an thành phố T với Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Phương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Công an TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- Nhà Tạm giữ Công an TP Thanh Hóa
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.